

BẢN MÔ TẢ GIẢI PHÁP DỰ THI

(Tùy nội dung cụ thể của từng giải pháp, các tác giả có thể trình bày cho phù hợp với các tiêu chuẩn đánh giá giải pháp dự thi của thể lệ - Bản mô tả cần phải đánh máy, trình bày rõ ràng, không tẩy xóa và đóng thành cuốn. Nội dung trình bày cần phải cô đọng, rõ ràng, đủ các hình vẽ, bảng biểu, thông số, số liệu, chỉ tiêu đạt được đủ để đánh giá các tiêu chí trong phần "Tiêu chuẩn đánh giá" của thể lệ đưa ra)

----- oOo -----

A. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên giải pháp:
2. Thuộc lĩnh vực:
3. Người dự thi:
- Tên cơ quan:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số điện thoại:, Fax:, E-mail:

B. PHÂN TÓM TẮT NỘI DUNG GIẢI PHÁP :

Tóm tắt những điểm chính yếu nhất của giải pháp (khoảng từ 2 – 3 trang), bao gồm các nội dung sau:

1. Vấn đề mà giải pháp đã giải quyết;
2. Mô tả tóm tắt nội dung của giải pháp, kết quả thử nghiệm;
3. Điểm mới - Điểm sáng tạo;
4. Hiệu quả kinh tế - xã hội;
5. Khả năng áp dụng;
6. Tình hình áp dụng, triển vọng áp dụng giải pháp;

C. PHÂN MÔ TẢ NỘI DUNG CHÍNH CỦA GIẢI PHÁP :

1. Tên giải pháp:

- ### 2. Mô tả giải pháp kỹ thuật đã biết:
- (Nêu một số giải pháp thuộc lĩnh vực tương ứng với giải pháp tham gia dự thi, mô tả ngắn gọn những nội dung chính yếu nhất, ưu nhược điểm của những giải pháp đó, đặc biệt cần nêu rõ những nhược điểm cần khắc phục của những giải pháp đó)*

3. Mục đích của giải pháp dự thi: (Giải pháp nhằm giải quyết được những vấn đề gì đã và đang đặt ra từ thực tế)

4. Mô tả giải pháp dự thi:

a. Nguyên lý của giải pháp: (Giải pháp được chế tạo dựa trên nguyên lý nào, các yếu tố tác động đến giải pháp)

b. Các nội dung công nghệ chủ yếu: (Đây là phần chính của Bản mô tả giải pháp, tác giả cần phải trình bày chi tiết về quy trình công nghệ, kết cấu, thiết bị, thành phần nguyên nhiên vật liệu, các so sánh, các bản vẽ, hình ảnh chụp giải pháp ở các góc độ, các tính toán minh họa, sơ đồ diễn giải đính kèm, các mô hình, sản phẩm chế thử và các tài liệu có liên quan khác).

Bao gồm:

- b1. Mô tả giải pháp, thuyết minh tính mới: Mô tả ngắn gọn nhưng đầy đủ và rõ ràng toàn bộ nội dung của giải pháp; đặc biệt, cần nêu rõ đã khắc phục được những nhược điểm nào, sáng kiến hay cải tiến những chỉ tiêu nào của giải pháp kỹ thuật đã biết (nếu có) hoặc những sáng tạo hoàn toàn mới. Cần nêu cụ thể quá trình từ khi bắt đầu thực hiện đến khi hoàn thành giải pháp;
 - b2. Khả năng áp dụng: được chứng minh qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng sản xuất thử, hợp đồng bán hàng hoặc hóa đơn bán hàng hoặc các chứng minh về khả năng áp dụng khác;
 - b3. Lợi ích kinh tế - xã hội: được đánh giá bằng cách so sánh với những giải pháp tương tự đã biết. Cần nêu rõ những chỉ tiêu kinh tế mà giải pháp mang lại cao hơn giải pháp đã biết hoặc nêu rõ những khiếm khuyết đã được khắc phục của những giải pháp đã biết mà không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, trật tự an ninh xã hội.
-
-

c. Kết quả của giải pháp: (Các thông số, chỉ tiêu, tính năng kỹ thuật đạt được)

5. Đánh giá giải pháp:

a. Tính mới và tính sáng tạo:

- **Điểm mới:** (trình bày những điểm mới của giải pháp tạo ra)
 - **Điểm sáng tạo:** (trình bày những điểm sáng tạo của giải pháp)
 - **Đánh giá:** (đánh dấu vào những ô thích hợp hoặc viết riêng)
- Lần đầu tiên thực hiện tại khu vực phía Nam.
 - Đang có tính mới với khu vực phía Nam.

- Lần đầu tiên thực hiện trong nước.
- Đang có tính mới trong nước
- Có tính mới với thế giới
- Đã được cấp Bằng độc quyền Sáng chế hoặc Giải pháp hữu ích.
- Được thiết kế mô phỏng theo công nghệ nước ngoài đã nhập vào Việt Nam.
- Được thiết kế theo tài liệu nước ngoài mà công nghệ chưa vào Việt Nam.
- Có tính sáng tạo về công nghệ.
- Có tính sáng tạo trong kết cấu.
- Mang tính kết hợp kỹ thuật của các ngành.

(Có thể lý giải thêm về các mục đánh dấu trên đây hoặc điểm khác)

b. Khả năng áp dụng:

- **Trình bày về khả năng áp dụng vào thực tế của giải pháp tạo ra:** *(có thể áp dụng cho những đối tượng nào, ở những địa phương nào...)*
- **Đánh giá:** *(đánh dấu vào những ô thích hợp hoặc viết riêng)*
 - Triển khai được ngay so với trình độ kỹ thuật và thị trường vật tư trong nước hiện nay.
 - Cần thêm một số chủng loại vật tư nhập không thông dụng *(Có thể nêu rõ thêm bên dưới)*
 - Cần có thêm một số điều kiện kỹ thuật khác *(Có thể nêu rõ thêm bên dưới)*
 - Có tính áp dụng đơn chiếc.
 - Có tính áp dụng trong sản xuất loại nhỏ hoặc theo thời vụ.
 - Có tính áp dụng ở quy mô công nghiệp.
 - Có khả năng áp dụng đại trà.

Có thể lý giải thêm:

c. Hiệu quả:

- ❖ **Kỹ thuật:** *(So sánh các chỉ tiêu, thông số, kết cấu, tính linh hoạt, hiệu quả của giải pháp mang lại ... so với các giải pháp đã biết trước đây)*

- ❖ **Kinh tế:** *(Hiệu quả kinh tế thiết thực do giải pháp mang lại)*

- ❖ **Xã hội:** (Các tác động tích cực về mặt xã hội do giải pháp mang lại: các tác động đến môi trường, điều kiện lao động, uy tín sản phẩm, mỹ quan công nghiệp, mỹ quan xã hội...)
-
-

d. Mức độ triển khai: (Đánh dấu vào những ô thích hợp hoặc viết riêng)

- Nội dung thiết kế đã có đủ các thông số kỹ thuật và khả thi.
- Đã thử nghiệm thành công (có phụ lục, tài liệu minh chứng đính kèm) từ ngày.....tháng.....năm.....
- Đã ứng dụng trong sản xuất ở quy mô nhỏ từ ngày.....tháng.....năm.....
- Đã ứng dụng và sản xuất ổn định, đại trà từ ngày.....tháng.....năm.....

(Lý giải thêm):

6. Phụ lục minh họa: (Đánh dấu vào các ô thích hợp hoặc viết riêng)

- Bằng độc quyền sáng chế, Giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp.
- Phiếu chứng nhận, kiểm nghiệm chất lượng hoặc độc tố.
- Bản vẽ, sơ đồ.
- Mô hình, vật mẫu.
- Các kết quả đo, khảo sát thử nghiệm (có dấu xác nhận của cơ quan thử nghiệm, đo lường)
- Bản nhận xét của các chuyên gia trong ngành.
- Bản nhận xét của các chuyên gia trong các ngành chức năng liên quan.
- Hợp đồng kinh tế đã ký kết.
- Phiếu nhận xét của khách hàng.

Phụ lục hay lý giải khác:

7. Các thuyết minh khác:

Ngàytháng.....năm 2009

Tác giả

(hoặc đại diện tác giả)